CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm: 819/2025/ SATTP-HCM, có hiệu lực đến ngày 26/02/2028.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **SÔCÔLA NHÂN ĐẬU PHỘNG**
2. Thành phần: Nhân đậu phộng 50% (đậu phộng 20%, bột mì, tinh bột sắn, đường, chất ổn định (1412, 1451), xirô maltose, dầu cọ, bột nếp, bột gạo, tinh bột bắp, chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt), sôcôla phủ 50% (đường, chất béo thực vật, bột ca cao 8.5%, bột sữa béo, bột sữa gầy, ca cao nguyên chất 0.5%, chất nhũ hóa (492, 476, 322(i)), hương liệu tổng hợp (sôcôla, vani), chất chống oxy hóa (307b)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

   - 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói và lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   Sản phẩm được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE, OPP/CPP hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói sôcôla được đóng gói trong túi PE, PP, hộp giấy hoặc thùng giấy.

   - Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 19g, 20g, 21g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g,36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, và theo yêu cầu của khách hàng.

- Các gói/túi/hộp/lon sôcôla được đóng vào thùng carton 3, 5 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức : Công Ty TNHH Phạm – Asset Mekong

Địa chỉ : Lô F-2-1, Góc đường N4 và đường D6, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-027) 622 000 17

(Mã trên bao bì: E, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Đính kèm nhãn sản phẩm (Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị.

- Thông tư 24/2019/TT-BYT và Thông tư 17/2023/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

- Quy định về giới hạn vi sinh và hóa học theo tiêu chuẩn sản phẩm của công ty.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET

Giám Đốc

Phạm Xuân Dũng

M.S.D.N: 0302771009
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
P. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần: Nhân đậu phộng 50% (đậu phộng 20%, bột mì, tinh bột sắn, đường, chất ổn định (1412, 1451), xirô maltose, dầu cọ, bột nếp, bột gạo, tinh bột bắp, chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt), sôcôla phủ 50% (đường, chất béo thực vật, bột ca cao 8.5%, bột sữa béo, bột sữa gầy, ca cao nguyên chất 0.5%, chất nhũ hoá (492, 476, 322(i)), hương liệu tổng hợp (sôcôla, vani), chất chống oxy hoá (307b)).

Hướng dẫn sử dụng: Thưởng thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

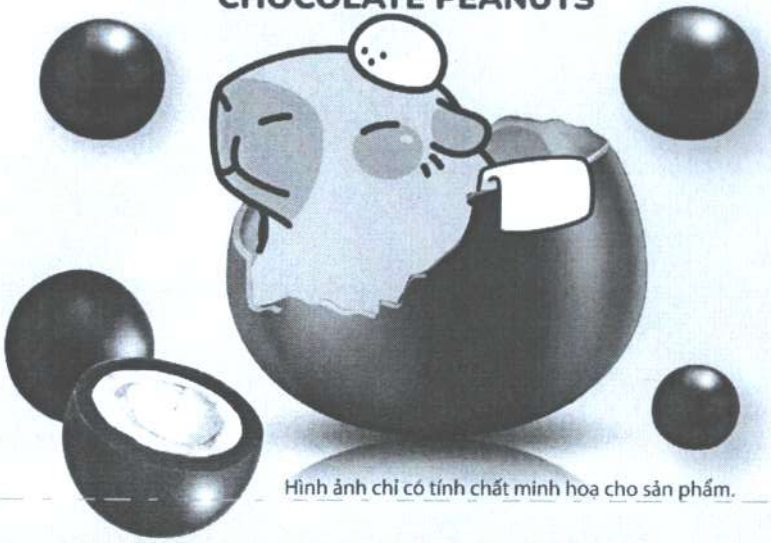
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.
Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.
Nhai kỹ trước khi nuốt. Lưu ý khi cho trẻ em dưới 3 tuổi sử dụng, có thể bị hóc khi sử dụng sản phẩm.
Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy có xử lý các nguyên liệu như đậu phộng, hạt cây, sữa, đậu nành, lúa mì và mè.

Xuất xứ: Việt Nam. | **Origin:** Vietnam.
Sản phẩm của Công ty Liên Doanh Phạm-Asset.
Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Product of Pham – Asset Joint Venture Company. Lot D4/1, 1B Street, Vinh Loc Industrial Park, Binh Tan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: (028) 37653286 – 37653285 – 37653284
Fax: (84.28) 54283458 – 37653258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com

JOJO®
Since 2002

SÔCÔLA
NHÂN ĐẬU PHỘNG
CHOCOLATE PEANUTS



Hình ảnh chỉ có tính chất minh hoạ cho sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Thành phần dinh dưỡng	**Trên/per 100g**
Năng lượng/ Energy	500 kcal
Chất đạm/ Protein	10 g
Carbohydrat/ Carbohydrate	55 g
Đường tổng số/ Total sugars	37 g
Tổng chất béo/ Total Fat	27 g
Chất béo bão hoà/ Saturated fat	15 g
Hàm lượng Natri/Sodium	310 mg

Ingredients: Peanut coating 50% (peanuts 20%, wheat flour, tapioca starch, sugar, stabilizers (1412, 1451), maltose syrup, palm oil, glutinous rice flour, rice flour, corn starch, baking powder (500(ii)), iodized salt), chocolate compound 50% (sugar, vegetable fat, cocoa powder 8.5%, whole milk powder, skimmed milk powder, cocoa mass 0.5%, emulsifiers (492, 476, 322(i)), artificial flavours (chocolate, vanilla), antioxidant (307b).
Directions for use: Consume shortly after opening. Prolonged exposure to air may affect product quality.
Directions for storage: Store in a cool, dry place. Avoid direct sunlight and high humidity.
Caution: Do not consume after the expiration date.
Not suitable for individuals allergic to any of the listed ingredients.
Chew thoroughly before swallowing. Not recommended for children under 3 years old due to choking hazard.
This product is manufactured in a facility that also processes peanuts, tree nuts, milk, soy, wheat and sesame.

NSX/MFG date:

HSD/EXP date:

Khối lượng tịnh/NW:

8 936006 347080

136 mm
116
10
10mm
40 mm

Eyemark: 10x5mm

TAPACK DIGITAL PROOF GENERAL INFORMATION

Job Name: JoJo - Chocolate nhân đậu phộng
Client: PHAM - ASSET
Version: 01 | *Cro Code:*
Date: 13/08/2026
Dimension: 260 mm x 136 mm
Layout Target:
1217-25

Date	Ver	Reason for Change:
13.08.26	01	New Cromalin

Edits compared to original artwork to meet printing techniques
Approved by tick the box
1.

COLOR SEQUENCES
① Black ② ③ Brown ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

TAPACK DESIGN DEPARTMENT
Gravure Making Director:
Vũ Quốc Dũng
Prepress Designer:
Nguyễn Thị Thúy Lan

Vị trí sửa nội dung

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : LX2R2607311060

Mã số mẫu : 743-2026-00202934

Mã số EoI : 005-32410-868949
Tên mẫu / Tên sản phẩm : Sôcôla nhân đậu phộng
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 31/07/2026 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 08/08/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 01/08/2026 - 07/08/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) *Escherichia coli*	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 ISO 16649-3:2015	Không phát hiện (LOD=0)
3	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	7.46
9	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	27.6
10	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	9.95
11	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	35.4
12	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
14	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.91
15	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	0.81

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00202934

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD4P0 VD (a) **Sucrose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	**31.5**
17	VDERJ VD (m) **Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**50.3**
18	VD9T0 VD (m) **Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**504**
19	VD210 VD (a) **Độ ẩm**	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	**2.09**
20	VD297 VD (a) **Tro tổng**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	**2.60**
21	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**0.065**
22	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Phát hiện vết(<0.05)**
23	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Phát hiện vết(<0.03)**
24	VD857 VD (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.007)**
25	VD063 VD (a) **Ochratoxin A**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
26	VD066 VD (a) **Zearalenon**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	**Không phát hiện (LOD=5)**
27	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
28	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
29	VDSZT VD (a) **Chất béo bão hoà**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	**16.7**
30	VD1LA VD (a) **Deoxynivalenol**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (2019) (Tham khảo EN 15791:2009)	**Không phát hiện (LOD=100)**
31	VD6ZP VD (a) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	**325**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/08/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/08/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

eurofins | Sac Ky Hai Dang

Mã số mẫu / Sample code Nr .: 743-2026-00202934
Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-26-VD-205651-01 / EUVNHC-00453318

THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	**504**	**kcal**	**25%**
Chất đạm	**9.95**	**g**	**20%**
Carbohydrat	**50.3**	**g**	**15%**
Đường tổng số	**35.4**	**g**	
Chất béo	**27.6**	**g**	**49%**
Chất béo bão hòa	**16.7**	**g**	**84%**
Natri	**325**	**mg**	**16%**
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Ghi chú/ Notes:

Bảng thành phần dinh dưỡng (tham khảo theo quy định Việt Nam):
+ Carbohydrates không gồm Xơ dinh dưỡng.
+ Năng lượng (kcal) = (Carbohydrates x 4) + (Xơ dinh dưỡng x 2) + (Béo x 9) + (Đạm x 4).

Nutrition Label information is referenced to Vietnam regulations:
+ Carbohydrates does not include Dietary fiber.
+ Total energy (kcal) = (Carbohydrates x 4) + (Dietary fiber x 2) + (Fat x 9) + (Protein x 4).

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample.The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.